

Ơ

CHƯƠNG 1

T NG QUAN V NGÂN HÀNG TH NG M I

NỘI DUNG CHƯƠNG 1

I

Khái niệm - đặc điểm – bản chất của NHTM

II

Chức năng của NHTM

III

Phân loại NHTM

IV

Cơ cấu tổ chức - mạng lưới hoạt động

V

Các nghiệp vụ của NHTM

I. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NHTM

1. Khái niệm:

NHTM là ngân hàng được thực hiện toàn bộ **hoạt động ngân hàng** và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan vì mục tiêu lợi nhuận theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác của pháp luật. *(Nghị định số 59/2009/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của NHTM)*

I. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NHTM

1. Khái niệm:

➤ Theo Luật Ngân hàng nhà nước:

Hoạt động ngân hàng là hoạt động kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi và sử dụng số tiền này để cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán.

I. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NHTM

2. Đặc điểm:

- Là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ vì mục tiêu lợi nhuận.
- Hoạt động kinh doanh của NHTM được phân vào nhóm hoạt động kinh doanh có mức độ rủi ro cao.
- Sự tồn tại của NHTM phụ thuộc nhiều vào sự tin tưởng của khách hàng
- Các NHTM chịu ảnh hưởng dây chuyền với nhau.

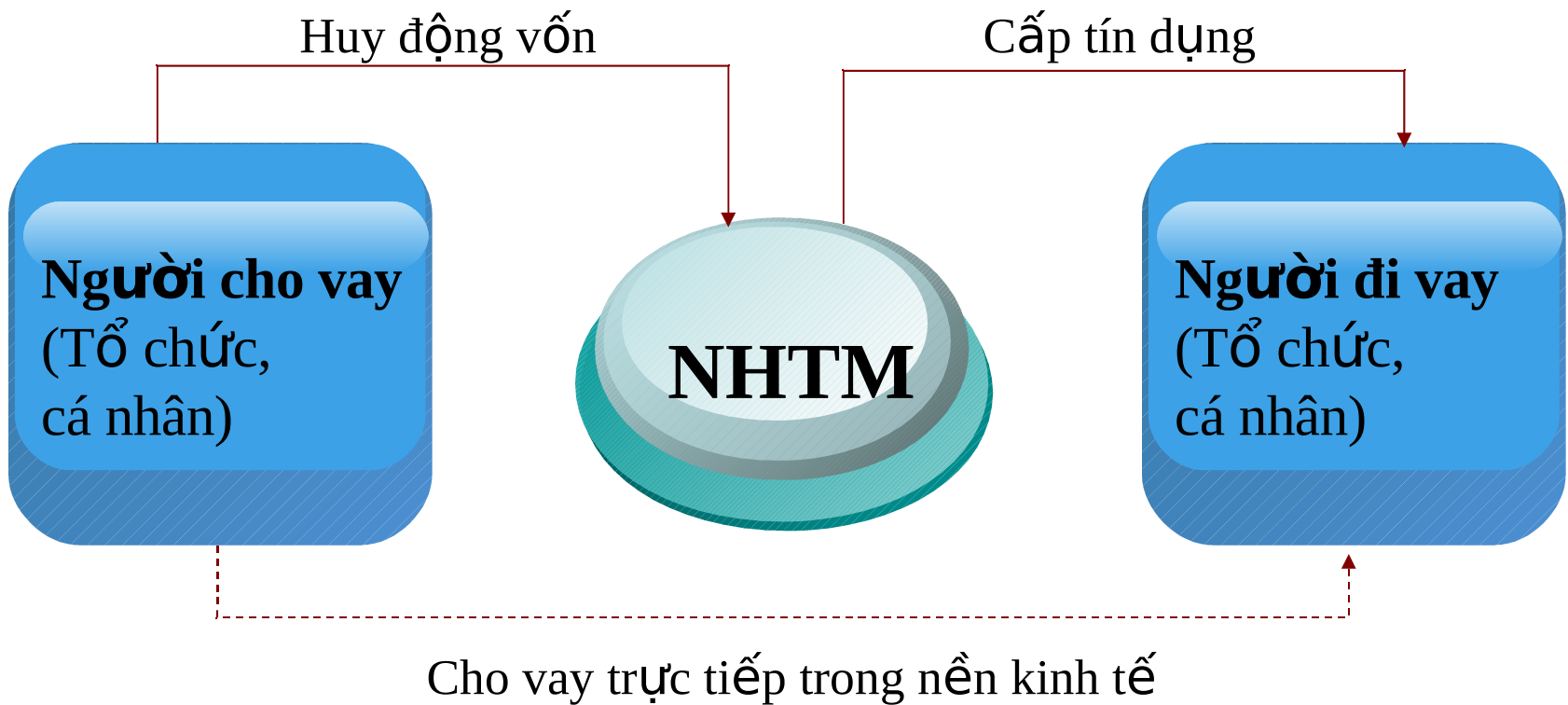
I. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NHTM

3. Bản chất:

- NHTM là một tổ chức kinh tế
- NHTM là một tổ chức kinh tế đặc biệt

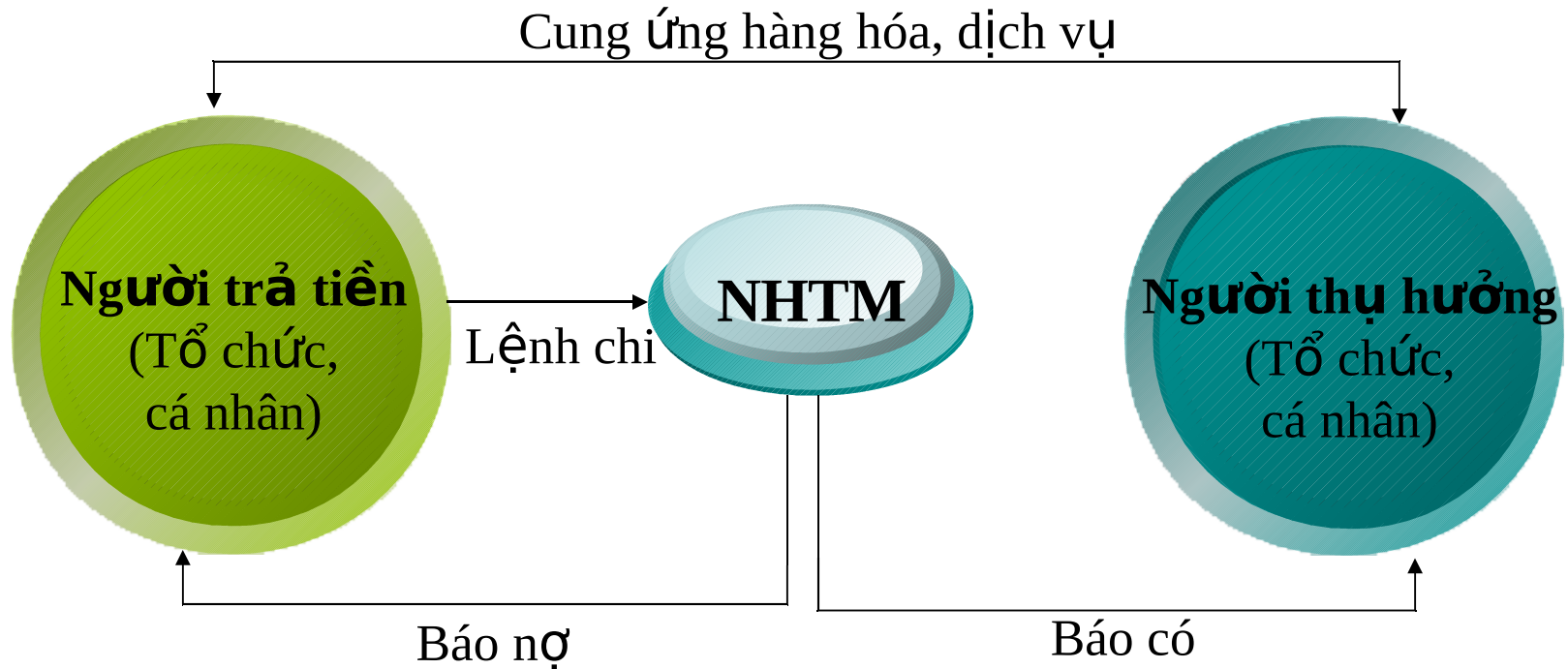
II. CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Chức năng trung gian tín dụng:



II. CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

2. Chức năng trung gian thanh toán:



II. CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

3. Chức năng tạo bút tệ:

NH A nhận tiền gửi của KH A

NH A

Tài sản có	Tài sản nợ
TM 5.000	5.000 TG (A)

Tỷ lệ DTBB: 10%

NH A

Tài sản có	Tài sản nợ
DT 500	5.000 TG (A)
CV 4.500	

II. CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

3. Chức năng tạo bút tệ:

NH B

Tài sản có	Tài sản nợ
TM 4.500	4.500 TG (B)

NH B

Tài sản có	Tài sản nợ
DT 450	4.500 TG (B)
CV 4.050	

NH C

Tài sản có	Tài sản nợ
TM 4.050	4.050 TG (C)

NH C

Tài sản có	Tài sản nợ
DT 405	4.050 TG (C)
CV 3.645	

II. CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

3. Chức năng tạo bút tệ:

Ngân hàng tham gia	Tiền gửi mới	DTBB	Cho vay
A	5.000	500	4.500
B	4.500	450	4.050
C	4.050	405	3.645
D	3.645	364,5	3.280,5
E	3.280,5	328,05	2.952,45
Tổng	20.475,5	2.047,55	18.427,95

II. CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Công thức xác định lượng tiền ghi sổ:

$$n = o$$

$$n = \frac{M * (1 - q)}{1 - q}$$

M : Tổng khối lượng tiền ghi sổ tạo ra

o

M : Lượng tiền gửi hạn đầu

III. PHÂN LOẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1

Dựa vào
hình thức
sở hữu

2

Dựa vào
chiến lược
kinh doanh

3

Dựa vào
lĩnh vực
hoạt động

III. PHÂN LOẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Dựa vào hình thức sở hữu:

a. **Ngân hàng thương mại nhà nước:** là ngân hàng thương mại trong đó Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ. Ngân hàng thương mại Nhà nước bao gồm NHTM do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và NHTM cổ phần do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ.

- NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam
- NH Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long
- NH Phát triển Việt Nam
- NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- ...

III. PHÂN LOẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Dựa vào hình thức sở hữu:

b. Ngân hàng thương mại cổ phần: là ngân hàng thương mại được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần.

- NH TMCP Á Châu
- NH TMCP Phương Đông
- NH TMCP Đông Á
- NH TMCP Quân đội
- ...

III. PHÂN LOẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Dựa vào hình thức sở hữu:

c. **Ngân hàng thương mại liên doanh:** là NHTM được thành lập tại Việt Nam, bằng vốn góp của Bên VN (gồm một hoặc nhiều NH VN) và Bên nước ngoài (gồm một hoặc nhiều NH nước ngoài) trên cơ sở hợp đồng liên doanh. NHTM liên doanh được thành lập dưới hình thức công ty TNHH từ hai thành viên trở lên, là pháp nhân VN, có trụ sở chính tại VN.

- INDOVINA BANK LIMITED
- NH Việt Nga
- SHINHANVINA BANK
- VID PUBLIC BANK
- VINASIAM BANK

III. PHÂN LOẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Dựa vào hình thức sở hữu:

d. **Chi nhánh ngân hàng nước ngoài:** là đơn vị phụ thuộc của NH nước ngoài, được NH nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm đối với mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh tại VN. Chi nhánh NH nước ngoài có quyền và nghĩa vụ do pháp luật VN qui định, hoạt động theo giấy phép mở chi nhánh và các qui định liên quan của pháp luật VN.

- CITY BANK
- BANGKOK BANK
- SHINHAN BANK
- DEUSTCH BANK
- ...

III. PHÂN LOẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Dựa vào hình thức sở hữu:

e. **NHTM 100% vốn nước ngoài:** là NHTM được thành lập tại VN với 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu nước ngoài; trong đó phải có một NH nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ (NH mẹ). NHTM 100% vốn nước ngoài được thành lập dưới hình thức công ty TNHH một thành viên hoặc từ hai thành viên trở lên, là pháp nhân VN, có trụ sở chính tại VN.

- NH TNHH một thành viên ANZ
- NH TNHH một thành viên Standard Chartered
- NH TNHH một thành viên HSBC
- NH TNHH một thành viên Shinhan
- NH TNHH một thành viên Hongleong

III. PHÂN LOẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

2. Dựa vào chiến lược kinh doanh:

- a. **Ngân hàng bán buôn:** là loại NH chỉ giao dịch và cung ứng dịch vụ cho đối tượng khách hàng doanh nghiệp chứ không giao dịch với khách hàng cá nhân.
- b. **Ngân hàng bán lẻ:** là loại NH giao dịch và cung ứng dịch vụ cho đối tượng khách hàng cá nhân.
- c. **Ngân hàng vừa bán buôn vừa bán lẻ:** là loại NH giao dịch và cung ứng dịch vụ cho cả khách hàng doanh nghiệp lẫn khách hàng cá nhân.

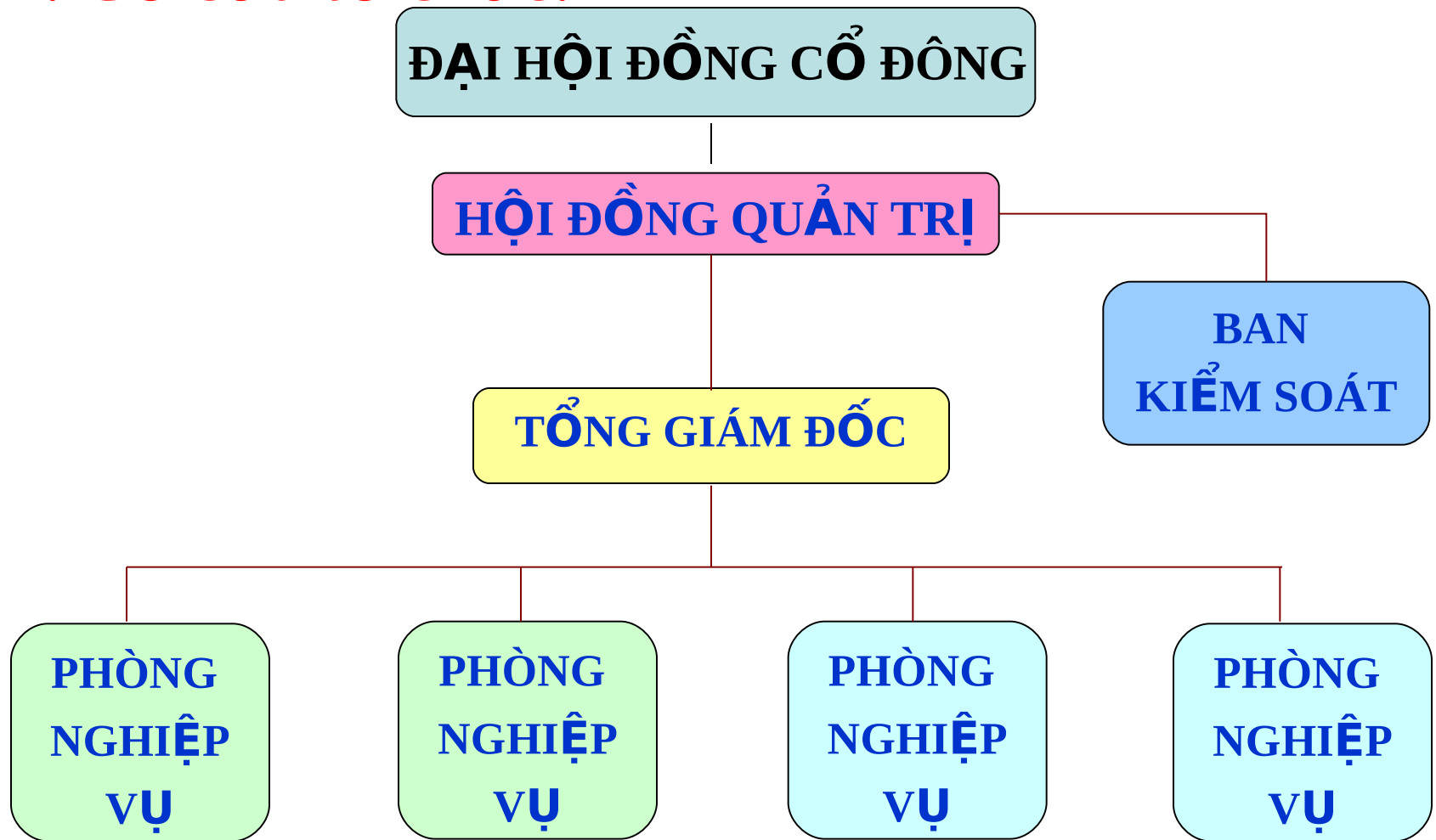
III. PHÂN LOẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

3. Dựa vào tính chất hoạt động:

- a. **Ngân hàng chuyên doanh:** là loại NH chỉ hoạt động chuyên môn trong một lĩnh vực như nông nghiệp, xuất nhập khẩu, đầu tư...
- b. **Ngân hàng kinh doanh tổng hợp:** là loại NH hoạt động ở mọi lĩnh vực kinh tế và thực hiện hầu như tất cả các nghiệp vụ mà một NH có thể được phép thực hiện.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC - MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tổ chức:



IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tổ chức

- a. **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản trị NH, có toàn quyền nhân danh NH để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của NH, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (đ/v NHTMCP) hoặc chủ sở hữu (đ/v NHTM Nhà nước, NHTM 100% vốn nước ngoài được tổ chức dưới hình thức công ty TNHH một thành viên) hoặc thành viên góp vốn (đ/v NHTM liên doanh, NHTM 100% vốn nước ngoài được tổ chức dưới hình thức công ty TNHH hai thành viên trở lên).

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

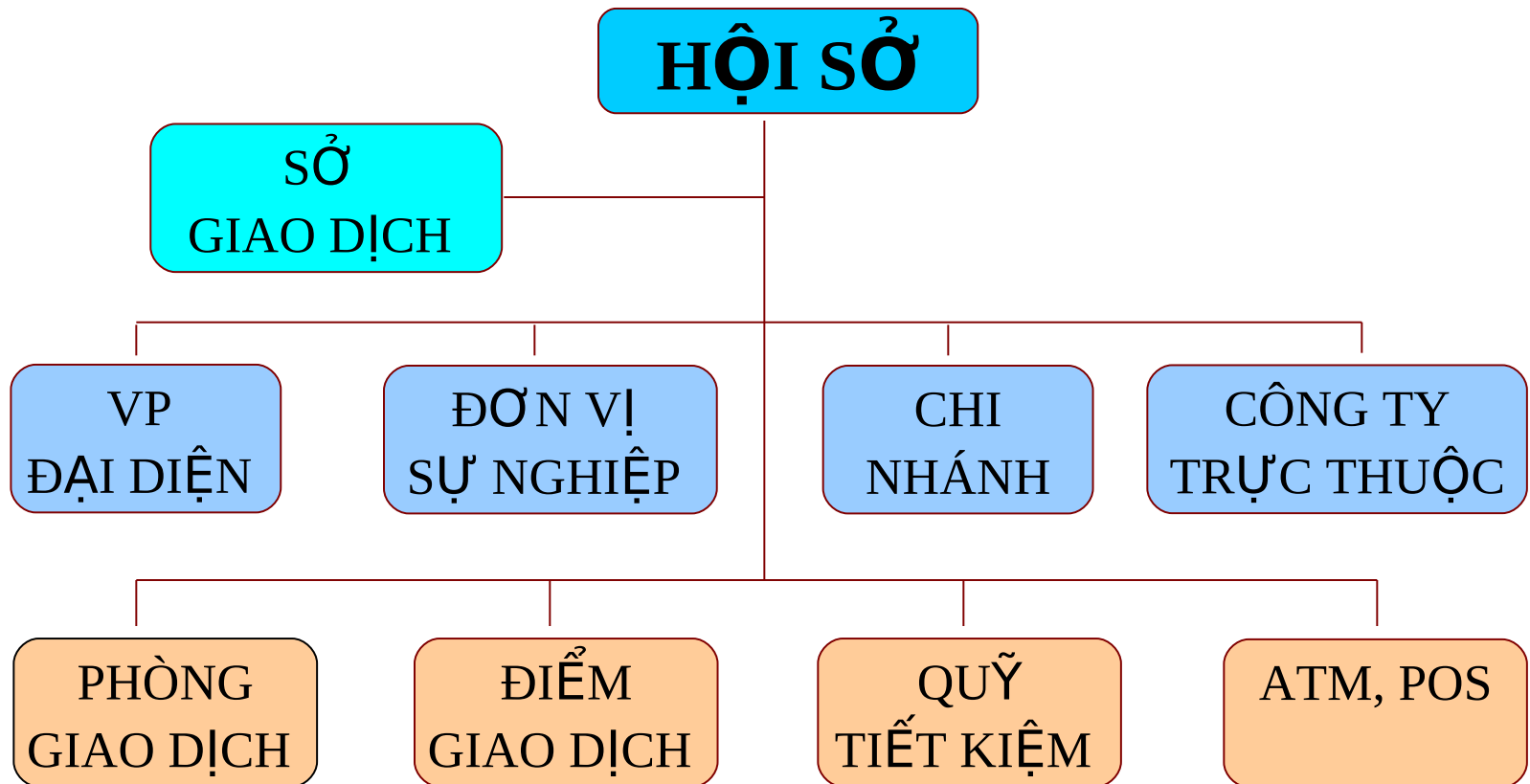
- b. **Ban kiểm soát:** là cơ quan giám sát hoạt động ngân hàng nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của ngân hàng.
- c. **Tổng giám đốc:** là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của ngân hàng, chịu sự giám sát của HĐQT và Ban kiểm soát, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với qui định của Nghị

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

d. **Phòng nghiệp vụ:** là các bộ phận chuyên trách thực hiện các hoạt động tác nghiệp kinh doanh cụ thể của ngân hàng thương mại, là các bộ phận trực tiếp giao dịch với khách hàng.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

2. Mạng lưới hoạt động:



IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

2. Mạng lưới hoạt động:

a. Hội sở:

Là cơ quan quản lý và chỉ đạo hoạt động của toàn hệ thống, đồng thời trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh ngân hàng.

b. Sở giao dịch:

Là đơn vị phụ thuộc trụ sở chính của ngân hàng thương mại, hạch toán phụ thuộc, có con dấu, thực hiện hoạt động kinh doanh theo ủy quyền của ngân hàng thương mại

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

c. Chi nhánh:

Là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện hoạt động kinh doanh theo ủy quyền của ngân hàng thương mại.

d. Văn phòng đại diện:

Là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện chức năng đại diện theo ủy quyền của ngân hàng thương mại. Văn phòng đại diện không được thực hiện hoạt động kinh doanh.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

e. Đơn vị sự nghiệp:

Là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh theo ủy quyền của ngân hàng thương mại.

f. Công ty trực thuộc:

Là đơn vị phụ thuộc ngân hàng thương mại, có con dấu, thực hiện một hoặc một số hoạt động kinh doanh theo ủy quyền của NHTM (hoạt động trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, quản lý, khai thác, bán tài sản).

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

g. Phòng giao dịch:

Là bộ phận phụ thuộc sở giao dịch hoặc chi nhánh của ngân hàng thương mại, hạch toán báo sổ, có con dấu, thực hiện một số giao dịch với khách hàng theo sự ủy nhiệm của đơn vị trực tiếp quản lý.

V. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI



V. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Nghiệp vụ nội bảng:

a. Nghiệp vụ tài sản nợ:

❖ Nghiệp vụ vốn tự có:

Vốn tự có: là vốn chủ sở hữu của NHTM bao gồm: vốn điều lệ, các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, lợi nhuận không chia và một số tài sản nợ khác theo quy định của NHNN

V. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Nghiệp vụ nội bảng:

a. Nghiệp vụ tài sản nợ:

❖ Nghiệp vụ vốn tự có:

Nguồn hình thành:

- Vốn chủ sở hữu khi ngân hàng mới thành lập
- Nguồn vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận kinh doanh, từ vốn góp thêm của chủ sở hữu

V. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Đặc điểm:

- Nguồn vốn có tính Ổn định cao và không ngừng gia tăng
- Tỷ trọng nhỏ nhưng giữ vai trò rất quan trọng

Mục đích sử dụng:

- Đầu tư TSCĐ
- Đầu tư vào các lĩnh vực khác
- Cấp tín dụng

V. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Nghiệp vụ nội bảng:

a. Nghiệp vụ tài sản nợ:

❖ Nghiệp vụ huy động vốn:

Vốn huy động: là vốn của các chủ thể khác trong nền kinh tế được ngân hàng tạm thời quản lý và sử dụng kinh doanh trong một thời gian nhất định sau đó sẽ hoàn trả lại cho chủ sở hữu.

V. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Nghệp vụ huy động vốn:

- Nhận tiền gửi
- Phát hành giấy tờ có giá
- Vay từ NHNN hoặc từ các TCTD khác

Đặc điểm vốn huy động:

- Nguồn vốn không ổn định
- Nguồn vốn chiếm tỷ trọng lớn nhất

Mục đích sử dụng:

- Thiết lập dự trữ
- Cấp tín dụng

V. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Nghiệp vụ nội bảng:

a. Nghiệp vụ tài sản nợ:

❖ Nghiệp vụ tiếp nhận vốn:

Vốn tiếp nhận: là vốn ủy thác từ NHNN cho các chương trình xây dựng cơ bản của Nhà nước; từ các tổ chức tài chính nước ngoài cho các dự án trong nước.

- NHTM sử dụng nguồn vốn này với tư cách là một tổ chức trung gian, cho vay theo các điều kiện của tổ chức ủy thác đưa ra.

V. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Nghiệp vụ nội bảng:

b. Nghiệp vụ tài sản có:

❖ Nghiệp vụ ngân quỹ:

Nghiệp vụ ngân quỹ là nghiệp vụ duy trì khả năng thanh khoản thường xuyên của ngân hàng thương mại bằng cách thiết lập dự trữ.

- Dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN.
- Dự trữ dưới các hình thức khác: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại TCTD khác hoặc chứng khoán.

V. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Nghiệp vụ nội bảng:

b. Nghiệp vụ tài sản có:

❖ Nghiệp vụ cấp tín dụng:

Cấp tín dụng: là việc NH thỏa thuận để khách hàng sử dụng một khoản tiền với nguyên tắc có hoàn trả.

Mục đích:

- Điều tiết nguồn vốn cho nền kinh tế.
- Mang lại thu nhập cho ngân hàng.

V. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Nghiệp vụ nội bảng:

b. Nghiệp vụ tài sản có:

❖ Nghiệp vụ cấp tín dụng:

Các hình thức cấp tín dụng:

- Cho vay
- Chiết khấu
- Cho thuê tài chính
- Bao thanh toán
- Thấu chi

V. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Nghiệp vụ nội bảng:

b. Nghiệp vụ tài sản có:

❖ Nghiệp vụ đầu tư:

Đầu tư trực tiếp:

- Hùn vốn, liên doanh với các TCTD khác.
- Mua cổ phần của các NHTM, công ty CP.

Đầu tư gián tiếp:

- Mua cổ phiếu, trái phiếu, kỳ phiếu và các giấy tờ có giá khác.

V. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Nghiệp vụ nội bảng:

c. Nghiệp vụ trung gian:

- Dịch vụ ngân quỹ
- Dịch vụ thanh toán
- Dịch vụ giữ hộ tài sản
- Kinh doanh ngoại tệ
- Tư vấn tài chính...

V. CÁC NGHIỆP VỤ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

2. Nghiệp vụ ngoại bảng:

- Bảo lãnh
- Phái sinh ngoại tệ...